

Bản án số: 04/2024/HS-PT

Ngày: 17 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thiện Vinh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Ông Trần Hữu Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bà Dương Thị T3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Minh H1 (**Thúì**), sinh ngày 14-6-1995 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Hồ H4, con bà: Huỳnh Thị C. Chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 20/02/2016.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Văn B, sinh ngày 24 - 7 - 2002 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Huỳnh Tấn L, con bà: Võ Thị L1. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25 - 7 - 2004 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Ngọc K1, con bà: Lâm Thị Ngọc L2. Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 10/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “ Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P - T trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

4. **Phan Đạt**, sinh ngày 28 - 6 - 2004 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Phan Đ2, Con bà: Trần Thị D. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Hồ Văn H3, sinh ngày 15 - 12 - 2000 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Hồ Văn T4, con bà: Nguyễn Thị G. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Văn T, sinh ngày 18 - 6 - 2002 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 02/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Phạm L3, con bà: Dương Thị H5. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Tấn T2, sinh ngày 21 - 8 - 2000 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Tấn C1, con bà: Dương Thị L4. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Xuân H2 (**Thà**), sinh ngày 28 - 8 - 2001 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Trần L5, con bà: Võ Thị Q. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Minh K, sinh ngày 03 - 11 - 2004 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch:

Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn Ú, con bà: Nguyễn Thị Kim T5. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Dương Văn Đ, sinh ngày 16 - 9 - 2007 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Xuân T6, con bà: Dương Thị T3. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/6/2022, bị Công an huyện N xử phạt Cảnh cáo về hành vi Xâm hại đến sức khỏe người khác.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ: Bà Dương Thị T3, sinh năm: 1986 là mẹ ruột (có mặt).

Trú tại: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Kim C2 – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N. Có mặt.

11. Trần Phan Minh S, sinh ngày 01 - 4 - 2002 tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 7/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Trần Xuân N, con bà: Phan Ngọc H6. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Hồ Quốc N1, sinh năm: 2000 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố D, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12 - 10 - 2022, nhóm của Hồ Minh H1, Nguyễn Thái T1, Nguyễn Thanh T7, Phan Đ1, Trần Văn Á, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2 và Trần Phan Minh S có mâu thuẫn và bị nhóm thanh niên chưa xác định được nhân thân, lai lịch ở phường Đ, thành phố P - T ném chai xăng tại cầu N thuộc khu phố N, thị trấn K, huyện N. Sau đó, hai nhóm thách thức hẹn đánh nhau. Nhóm của H1 về nhà lấy hung khí rồi đến cầu N đợi nhóm Đông H7 quay lại để đánh trả thù. Nguyễn Thanh T7 rủ thêm bạn là Hồ Văn H3 tới đánh nhau thì H3 đồng ý và H3 rủ thêm Nguyễn Văn H8 cùng đến tham gia. H1 về nhà lấy hai cây dao tự tạo đem ra sân bóng Ninh C3, H1 lấy 01 cây và đưa cho T1 01 cây. Thử về nhà lấy 01 bao hung khí gồm 04 cây rựa và 02 cây dao tự tạo đem đến sân bóng Ninh C3 để mọi người lấy thì có H8 và H3 tới. H8 lấy 01 cây dao tự tạo dài khoảng 1,2m, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 60cm; H3 nhặt 02 vỏ chai bia gần đó; T7 lấy 01 cây rựa dài khoảng 0,8m; S cầm theo 01 chai bia nhặt bên đường; Á, Đ1 cầm theo 02 vỏ chai bia; K cầm theo 02 chai nước ngọt loại number one; T, T2 cầm 02 vỏ chai bia. Thấy chuẩn bị có đánh nhau, Huỳnh Văn B, Dương Văn Đ, Châu Tấn H, Trần Xuân H2,

Phạm Lê Minh K2 chạy tới hỗ trợ. B lấy 01 cây dao tự tạo dài khoảng 0,6m do T7 mang đến. Dương Văn Đ cầm theo 01 cục đá và 01 vỏ chai bia; Hải Đăng cầm 01 cây rựa do T7 mang đến; Trần Xuân H2 cầm 01 cây tre.

T1, H1 và B mỗi người cầm 01 con dao tự tạo lên cầu N đứng cạnh giới thì gặp lực lượng Công an đi tuần tra. H1 đã vứt cây dao tự tạo xuống dưới cầu sau đó chạy lại chỗ sân bóng Ninh C3 lấy 01 cây rựa mà T7 mang tới rồi lên lại cầu chỗ B và T1 đứng chờ. Những người còn lại đứng tại sân bóng N phục đánh nhóm Đông H7. Khoảng 22h30 cùng ngày, anh Hồ Quốc N1 điều khiển xe mô tô chở bạn đi qua cầu N về đồn Biên phòng N2 rồi một mình điều khiển xe mô tô quay lại về hướng P. Khi đi đến cầu N, cho rằng anh N1 là người của nhóm Đông H7 nên T1 và H1 đứng trên cầu la lên “Nó đó, nó đó”. Nghe vậy, H8 và mọi người đang phục dưới sân bóng Ninh C3 chạy ra. H8 cầm cây dao chém 01 nhát theo hướng từ phải qua trái trúng vào cẳng tay phải và đùi phải anh N1. Phan Đ1, Nguyễn Minh K, Trần Văn Á cầm chai bia ném anh N1 nhưng không trúng. Còn T7, H3, S, T, T2, Văn Đ, H, H2 cầm theo hung khí, vỏ chai chạy tới chưa kịp đánh thì anh N1 đã chạy xe mô tô qua rồi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh N để điều trị thương tích. Bị cáo K2 đứng tại chỗ, không mang theo hung khí và không tham gia chạy ra đánh anh N1. Các bị cáo H1, T1, H8, B, Hải Đ3 đưa hung khí cho T7 giữ, các vỏ chai bia và chai nước ngọt vứt tại hiện trường.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H8, Nguyễn Thanh T7, Huỳnh Văn B, Hồ Văn H3, Nguyễn Thái T1, Phạm Lê Minh K2, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T8, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ, Châu Tấn H, Hồ Minh H1, Trần Văn Á, Trần Xuân H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Số hung khí dùng để chém anh Hồ Quốc N1, T7 đem về nhà cất dấu sau đó do sợ nên T7 đã vứt bỏ hết hung khí trên nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 10 ngày 27-12-2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh N kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Hồ Quốc N1 tổng cộng là 36 %, vết thương như sau:

+ Vết thương từ khớp khuỷu mặt trong xuống $\frac{1}{2}$ giữa mặt trước trong cẳng tay phải sạo liền khô phẳng lõm kích thước (19,5 x 5,6)cm (03%), cẳng tay biến dạng. Vận động sấp, ngửa cẳng tay bình thường, vận động co duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay phải hạn chế, mất cảm giác ngón V và $\frac{1}{2}$ ngón IV; Tổn thương hoàn toàn dây thần kinh trụ phải 31%.

+ Vết thương 1/3 trên và giữa mặt đùi phải hình cung sọc liền tốt phẳng lõm kích thước (16 x 1) cm (03%), vận động chân bình thường.

Cơ chế hình thành vết thương: Do vật sắc tác động gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H8 và Hồ Minh H1.

- Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Văn B,

Phan Đ1, Hồ Văn H3, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, Trần Phan Minh S.

Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thái T1

- Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh K.

- Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Văn Đ.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H8, Hồ Minh H1, Huỳnh Văn B, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Hồ Văn H3, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H8 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 14/3/2023.

Xử phạt bị cáo Hồ Minh H1 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T1 03 (ba) năm tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 31/2023/HS-ST ngày 10-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn H3, Phạm Văn T mỗi bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Phan Minh S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T7, Trần Văn Á, Châu Tấn H, Phạm Lê Minh K2 về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn H8 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/11/2023, bị cáo Nguyễn Văn H8 có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ngày 19/10/2023, bị cáo Trần Phan Minh S kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của bà Phan Ngọc H6 là mẹ bị cáo Trần Phan Minh S.

Ngày 20/10/2023, bị cáo Nguyễn Minh K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo kèm theo đơn kháng cáo là giấy xác nhận về việc là con cháu nhà có công cách mạng, giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2016 của ông Nguyễn Văn Ú, giấy khen đạt thành tích tốt công tác hội chữ thập đỏ năm 2020 của ông Nguyễn Văn Ú; giấy biên nhận bồi thường số tiền 18.000.000 đồng giữa bà Nguyễn Thị Kim T5 và ông Hồ Quốc N1.

Ngày 20/10/2023, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của bà Dương Thị H5 là mẹ ruột bị cáo Phạm Văn T.

Ngày 20/10/2023, bị cáo Phan Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin xác nhận gia cảnh của bị cáo Phan Đạt .

Ngày 20/10/2023, bị cáo Nguyễn Tấn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình của bà Dương Thị L6 là mẹ của bị cáo Nguyễn Tấn T2 và giấy biên nhận bồi thường số tiền 12.000.000 đồng giữa bà Dương Thị L6 và ông Hồ Quốc N1.

Ngày 20/10/2023, bị cáo Huỳnh Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo là đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình của ông Huỳnh Tấn L là cha của bị cáo Huỳnh Văn B và giấy biên nhận bồi thường số tiền 3.000.000 đồng giữa bà Võ Thị L1 và ông Hồ Quốc N1.

Ngày 23/10/2023, bị cáo Dương Văn Đ và người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 23/10/2023, các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Hồ Minh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/10/2023, bị cáo Nguyễn Thái T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/10/2023, bị hại anh Hồ Quốc N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B.

Trước khi mở phiên tòa, ngày 23/11/2023 bị cáo Nguyễn Văn H8 đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Căn cứ các Điều 45, Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn H8.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo Hồ Minh H1 05 (năm) tù; các bị cáo Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2 mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù; các bị cáo Hồ Văn H3, Phạm Văn T mỗi bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù; bị cáo Dương Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù; bị cáo Trần Phan Minh S 15 (mười lăm) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh K 18 (mười tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thái T1 03 (ba) năm tù; bị cáo Huỳnh Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đã xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Bị cáo H1 đã bồi thường đủ 20 triệu, các bị cáo B, Thang K3 tiếp tục bồi thường đủ cho người bị hại; các bị cáo H1, S, Đ1, T, Đ, B được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên các tình tiết giảm nhẹ này không ảnh hưởng đến phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ trình bày:* Đồng ý với Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Dương Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt 12 tháng tù đối với bị cáo Đ là quá nghiêm khắc. Tại phiên tòa người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét có mức án nhẹ nhất đối với bị cáo Đ.

Bị cáo Dương Văn Đ và người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ không trình bày bổ sung.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin lỗi người bị hại và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B và người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ là bà Dương Thị T3 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của Đại diện hợp pháp của bị cáo: Bị cáo Dương Văn Đ đến ngày xét xử phúc thẩm vẫn chưa thành niên nên bà Dương Thị T3 là người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái

T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12 – 10 - 2022, tại khu phố N, thị trấn K, huyện N tỉnh Ninh Thuận, dù không có mâu thuẫn với anh Hồ Quốc N1 và cho rằng anh N1 là người trong nhóm đã ném chai xăng vào nhóm mình nên Nguyễn Văn H8, Hồ Minh H1, Nguyễn Thanh T7, Huỳnh Văn B, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Trần Văn Â, Hồ Văn H3, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ, Châu Tấn H, Trần Phan Minh S, Phạm Lê Minh K2 đã dùng dao tự tạo, vỏ chai thủy tinh là những hung khí nguy hiểm chém anh N1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm ” và “có tính chất côn đồ” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo Hồ Minh H1 05 (năm) tù; các bị cáo Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2 mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù; các bị cáo Hồ Văn H3, Phạm Văn T mỗi bị cáo 20 (hai mươi) tháng tù; bị cáo Dương Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù; bị cáo Trần Phan Minh S 15 (mười lăm) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh K 18 (mười tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Thái T1 03 (ba) năm tù; bị cáo Huỳnh Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đã xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3.2] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại anh Hồ Quốc N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hồ Minh H1, Trần Xuân H2, Hồ Văn H3, Dương Văn Đ, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Phạm Văn T, Nguyễn Thái T1, Phan Đ1, Nguyễn Tấn T2, Huỳnh Văn B. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hồ Minh H1, Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1:

[3.3.1] Bị cáo Hồ Minh H1 tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng đóng vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án 05 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đã bồi thường cho bị hại anh Hồ Quốc N1 số tiền 20 triệu đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Bị hại anh Hồ Quốc N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xác nhận bị cáo đã bồi thường đủ 20 triệu đồng cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H1.

[3.3.2] Các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1 tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng đóng vai trò đồng phạm giúp sức, chuẩn bị hung khí tham gia đánh nhau. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là đã xem xét, giảm nhẹ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại anh Hồ Quốc N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tình tiết này không ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3.4] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ, Phan Đ1 và kháng cáo của bà Dương Thị T3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ:

[3.4.1] Các bị cáo đều bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Văn B, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Phan Minh S, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ, Phan Đ1.

[3.4.2] Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và tham gia vụ án với vai trò thứ yếu; đã hoàn thành xong nghĩa vụ bồi thường cho bị hại anh Hồ Quốc N1, cụ thể bị cáo T2 bồi thường 12 triệu đồng, bị cáo K bồi thường 18 triệu đồng, bị cáo B bồi thường 03 triệu đồng; Các bị cáo S, Đ1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo T2, K, B, S, Đ1, Đ.

[3.4.3] Bị cáo Phạm Văn T được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên tình tiết này không ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T.

Kháng cáo của bà Dương Thị T3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hồ Minh H1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Hồ Minh H1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T.

[4] Về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Lê Minh K2, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên không thuộc trường hợp “*phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án 15 tháng tù là chưa nghiêm, có sai sót trong việc áp dụng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo Phạm Lê Minh K2.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Hồ Minh H1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Bà Dương Thị T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về phần hình phạt đối với các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Minh H1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận về phần hình phạt đối với các bị cáo Hồ Minh H1, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn B, Trần Phan Minh S, Phan Đ1, Dương Văn Đ.

Chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Dương Văn Đ.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hồ Minh H1.

4. Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Văn B, Phan Đ1, Hồ Văn H3, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, Trần Phan Minh S.

5. Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thái T1.

6. Căn cứ điểm c khoản 3 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ.

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Hồ Minh H1, Huỳnh Văn B, Phan Đ1, Hồ Văn H3, Phạm Văn T, Nguyễn Tấn T2, Trần Xuân H2, Trần Phan Minh S, Nguyễn Thái T1, Nguyễn Minh K, Dương Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Hồ Minh H1 04 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T1 03 (Ba) năm tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 31/2022/HS-ST ngày 10-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân H2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phan Đ1 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt các bị cáo Hồ Văn H3, Phạm Văn T mỗi bị cáo 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T2 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Phan Minh S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Hồ Minh H1, Huỳnh Văn B, Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Minh K đã thực hiện xong việc bồi thường cho bị hại anh Hồ Quốc N1 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hồ Văn H3, Trần Xuân H2, Nguyễn Thái T1, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND, TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- PV 27 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV- THA; HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu án văn, hồ sơ.

Cao Thiện Vinh

